

Số: /BC-CCKL

Quảng Ngãi, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả "việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự phát triển bền vững" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2023

Thực hiện Công văn số 867/SNNPTNT-KHTC ngày 06/3/2024 về việc báo cáo "Việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc vì sự phát triển bền vững";

Chi cục Kiểm lâm báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ có liên quan về lâm nghiệp như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

- Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế vẫn là xu hướng phát triển chung của thế giới. Các hiệp định thương mại song phương, đa phương phát triển và mở rộng tạo điều kiện thuận lợi hơn liên kết thương mại giữa các quốc gia.

- Tăng trưởng kinh tế thế giới, thương mại và đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài vài năm năm tới.

- Biến đổi khí hậu diễn biến nhanh hơn dự báo và tác động sâu rộng đến kinh tế của một số quốc gia, châu lục, Việt Nam được dự báo là một trong số Quốc gia bị tác động nặng nề của tình trạng khô hạn, nước biển dâng và xâm nhập mặn, và lĩnh vực trồng trọt là ngành chịu ảnh hưởng lớn nhất.

- Những vấn đề an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mê Kông, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển nông nghiệp bền vững.

- Chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng tăng lên. Các nước nhập khẩu đã và sẽ bổ sung thêm nhiều rào cản phi thuế quan như chất lượng sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ, lao động, môi trường....

- Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang diễn biến rất nhanh, đột phá, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Phát triển nông nghiệp bền vững trở thành xu thế trên thế giới. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, trong đó việc áp dụng công nghệ tiên tiến về sinh học, về gen, kiểm soát sâu bệnh và dịch bệnh, tăng cường vi chất cho thực phẩm, quản lý sau thu hoạch, quản lý chuỗi cung ứng,

sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, quản lý nước và chất dinh dưỡng tạo ra sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường đang được nhiều quốc gia lựa chọn.

2. Bối cảnh trong nước

- Đảng, Nhà nước luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát, kịp thời cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn, có chính sách hỗ trợ phát triển, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Giai đoạn 2010-2020 kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả ấn tượng, đặc biệt giai đoạn 2015-2020 (năm 2017 tăng trưởng GDP 6,81%, năm 2018 là 7,08% và năm 2019 là 7,1%, năm 2020 là 2,91%). Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tốc độ tăng trưởng cao trong bối cảnh nhiều nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại.

- Dự báo giai đoạn 2021-2030, tỷ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp trong GDP cả nước sẽ giảm dần và còn dưới 10% nhưng nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Nông nghiệp vẫn tạo việc làm và thu nhập cho gần 40% lao động và khoảng 60% dân số cả nước, góp phần quan trọng đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, bảo đảm tính bền vững của quá trình phát triển kinh tế, ổn định chính trị-xã hội đất nước.

- Nông nghiệp Việt Nam hội nhập nhanh, toàn diện và tương đối hiệu quả với khu vực và trên thế giới thông qua việc tham gia các FTAs và nhiều hiệp định song phương, đa phương khác. Việt Nam đã chấp nhận cam kết không bảo hộ và tuân thủ hầu hết các tiêu chuẩn của các quốc gia thành viên và thị trường thế giới. Trong xu thế đó thời gian tới đòi hỏi phải chấp nhận cạnh tranh gay gắt trên sân nhà, tuân thủ tiêu chuẩn các nước đặt ra trong cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường. Hội nhập kinh tế khu vực và thế giới tạo điều kiện cho nông nghiệp mở rộng sản xuất, đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, tiếp cận và tham gia sâu rộng vào thị trường thế giới nhưng cũng đem lại nhiều thách thức. Cần phải theo dõi, đánh giá, phân tích sâu hơn để có giải pháp ứng phó phù hợp, hiệu quả. Việc tham gia các hiệp định CPTTP, EVFTA được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển nông nghiệp thông qua tăng trưởng đầu tư, mở rộng xuất khẩu và ứng dụng khoa học công nghệ.

- Trong nông nghiệp, cơ cấu sản xuất chuyển biến tích cực, hướng vào phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng, miền, nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo đảm an ninh lương thực. Tập trung phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, hiện đại, giá trị gia tăng cao và bền vững. Hình thành nhiều mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao; đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp ngày càng nhiều; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và xây dựng được thương hiệu của một số nông sản chủ lực. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, hữu cơ được chú trọng. Chất lượng nhiều loại sản phẩm đáp ứng yêu cầu an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế. Quá trình cơ cấu lại nông nghiệp đã gắn kết chặt chẽ với xây dựng nông thôn mới, nhất là trong phát triển hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn.

- Nông nghiệp Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn thách thức: sản xuất thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng không ổn định và có xu hướng giảm; kinh tế hộ

nhỏ lẻ chiếm tỷ trọng cao; hợp tác liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế; nghiên cứu chọn tạo, sản xuất kinh doanh giống cây trồng chưa đáp ứng yêu cầu; cơ giới hóa lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, ứng dụng công nghệ cao trong canh tác quy mô còn hẹp chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh; xuất khẩu chưa định hướng rõ loại hình và chất lượng dẫn tới xuất khẩu chủ yếu là sản phẩm thô và sơ chế, chưa qua chế biến sâu, giá trị gia tăng thấp; chất lượng lao động trong ngành lâm nghiệp thấp, ít được đào tạo; biến đổi khí hậu, dịch bệnh ngày càng diễn biến khó lường là thách thức tiềm ẩn trong thực tiễn sản xuất kinh doanh.

3. Bối cảnh của tỉnh

Quảng Ngãi là một trong 28 tỉnh, thành phố có biển của Việt Nam, thuộc vùng duyên hải Trung Bộ; có 05 huyện ven biển, 01 thành phố và 01 một huyện đảo, với số dân là 817.058 người, chiếm 66,9% dân số toàn tỉnh. Tỉnh Quảng Ngãi hiện có khoảng 285.164,93ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp, chiếm 55,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất có rừng 333.045,89 ha (106.667,60 ha rừng tự nhiên). Đây là nguồn tài nguyên, nguồn lực to lớn để đưa ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng của tỉnh, theo Kế hoạch thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững, Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh đã đề ra. Tuy nhiên các yếu tố bất lợi của thời tiết như lũ lụt, gió bão thường xuyên đe dọa đến tính mạng và tài sản của nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung, đặc biệt là ảnh hưởng đến phát triển ngành lâm nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Kết quả đạt được

1.1. Mục tiêu 1.4.a

Thực hiện dự án “Tăng cường năng lực chống chịu với tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dân cư ven biển tại Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tài trợ:

Đã hoàn thành 03 hợp phần của dự án; cụ thể:

- Hợp phần 1: Xây nhà an toàn phòng tránh bão, lụt

Cùng phối hợp với các địa phương: Huyện Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Thị xã Đức Phổ và Thành phố Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2021: đã hoàn thành 683 căn nhà/683 hộ gia đình/khoảng 3.415 người được hưởng lợi và đang triển khai 200 căn, với khoảng 1.200 người được hưởng lợi, dự kiến hoàn thành đến 30/6/2024. Đạt 100% kế hoạch.

- Hợp phần 2:

+ Thực hiện trồng rừng, phục hồi rừng Dự án GCF đến 2023 tại Bàu Cá cái xã Bình Thuận huyện Bình Sơn là 73 ha (*giảm 60,36 ha*); trong đó: Trồng mới (*trồng năm 2019, cây trồng: Cóc Trắng*) 22,52 ha (*giảm 16,60 ha*); khoanh nuôi có trồng bổ sung 0,5 ha (*giảm 1,76 ha*); quản lý bảo vệ rừng: 49,95 ha (*giảm 42,0 ha*).

+ Các hoạt động hỗ trợ hợp phần 2: (1) Tổ chức hội nghị/ tập huấn kỹ thuật nuôi dưỡng rừng, quản lý bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng; các cuộc họp, tập huấn nâng cao nhận thức cho cộng đồng ... cho HP2. (2) Tổ chức các hoạt động truyền thông theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt; (3) Hoạt động hỗ trợ sinh kế: 01 Mô hình nuôi Vịt biển đại xuyên tại xã Bình Thuận Bình Sơn tham gia trồng rừng (*giảm 03 mô hình*); (4) Xây dựng bảng tin tuyên truyền quản lý bảo vệ rừng: 01 bảng (*giảm 01 bảng*); (5) Các hoạt động giám sát Carbon, đánh giá môi trường trồng rừng, ...; (6) Nghiên cứu tính khả thi về du lịch sinh thái tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn; tập huấn kỹ năng, nâng cao năng lực cho cộng đồng thực hiện du lịch sinh thái và tham quan học tập kinh nghiệm thực hiện du lịch sinh thái tại Cù Lao Chàm.

- Hợp phần 3: Thông tin và dữ liệu rủi ro thiên tai

Phối hợp với tổng cục Phòng chống thiên tai tổ chức Hội thảo Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (CBDRM) và tổ chức 71 lớp tập huấn về CBDRM tại địa phương xã ven biển và cận ven biển. Đạt 100% Kế hoạch.

Hiện nay, Dự án GCF được triển khai giai đoạn gia hạn đến tháng 6/2024 và hỗ trợ thêm cho 200 căn tại các huyện ven biển tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên thời gian Phê duyệt Văn kiện điều chỉnh và Kế hoạch ngày 28/2/2024 nên khó khăn về tiến độ và đối tượng đa số là hộ nghèo, neo đơn... nên cần thời gian chuẩn bị.

1.2. Mục tiêu 2.3: *Về nội dung: "Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; lựa chọn và cung ứng đủ giống cây trồng, vật nuôi, tập trung vào các loại cây, con có giá trị kinh tế cao, phù hợp với đặc điểm khí hậu và thổ nhưỡng của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình VietGap, phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại".*

- Công tác Quản lý nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, gắn với nâng cao chất lượng, năng suất rừng trồng, tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch hệ thống rừng giống và vườn ươm giống cây lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030¹; phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán dự án điều tra, xây dựng, bảo tồn và phát triển nguồn giống cây bản địa² (*dự án đã điều tra xây dựng và chuyển hóa được nguồn giống với 04 loài cây bản địa: 5,23 ha cây Lim Xanh; 2,17 ha cây Dầu rái; 2,85 ha cây Chò đen và 50 cây trội Sao đen*).

- Năm 2017, HĐND tỉnh ban hành chính sách³ hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với khối lượng thực hiện hỗ trợ: (1) Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn: 211,28 ha/428,33 ha, đạt 49,33% so với diện tích được phê duyệt; (2) Trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: 69.694 cây/70.000 cây, đạt 99,56%, so với số lượng cây được phê duyệt; Tổng kinh phí thực hiện hỗ trợ 4.559 triệu đồng; đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, hàng năm, diện tích trồng rừng sản xuất đạt khoảng 24.827,6 ha/năm; Sản lượng gỗ khai thác ước thực hiện cuối năm 2023 đạt 2.257.074 m³.

¹ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

² Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh;

³ Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1.3. Mục tiêu 2.5: *Về nội dung: "Thực hiện tốt các quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát triển bền vững các khu bảo tồn thiên nhiên"*

Theo quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, quy hoạch đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh Quảng Ngãi có 20.302ha rừng đặc dụng; hiện, UBND tỉnh đã cho chủ trương thành lập dự án khu Dự trữ thiên nhiên Tây Ba To⁴ với diện tích 17.977,0ha; đến năm 2030 thành lập Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng 2.325,0ha.

1.4. Mục tiêu 14.2:

- Về nội dung: *"Triển khai thực hiện Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030..."*

Trên cơ sở các Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ngãi: Số 341/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; số 342/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; tỉnh Quảng Ngãi đã trồng, quản lý và bảo vệ tốt tổng cộng 13.801,38ha rừng ven biển trong quy hoạch lâm nghiệp⁵ (phòng hộ 2.244,57ha, sản xuất 7.135,14ha) gồm: rừng trồng 13.325,13ha (trong đó: rừng trồng ngập mặn 109,08ha, ngập nước ngọt 75,99ha); rừng tự nhiên 476,25ha. Diện tích rừng trồng ngập mặn mới giai đoạn 2017 - 2020 là 74,2355 ha. Toàn bộ diện tích rừng ven biển nêu trên hiện đang phát huy tốt vai trò phòng hộ ven biển của tỉnh.

- Về nội dung: *"Huy động nguồn lực trong nước và quốc tế để đầu tư phát triển vành đai bảo vệ rừng ven biển, cải thiện và phục hồi môi trường hệ sinh thái biển"*

Tổng kinh phí thực hiện dự án trồng rừng ngập mặn ven biển (dự án GCF) **71.801,49 triệu đồng**, trong đó: Nguồn vốn ODA: 1.921.575,0 USD tương đương 44.875,21 triệu (Hợp phần 1: 1.574.422 USD, Hợp phần 2: 207.372,01 USD, Chi phí quản lý và giám sát: 139.781,22 USD). Nguồn vốn đối ứng: 26.926,28 triệu đồng bao gồm: Nguồn đối ứng từ Ngân sách cho hoạt động trồng rừng- Hợp phần 2: 7.210 triệu đồng (theo quyết định 900/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh); Nguồn đối ứng từ Ngân sách cho hoạt động xây nhà phòng tránh bão, lụt giai đoạn 2017-2021: 9.042,00 triệu đồng (theo Quyết định 48/QĐ-TTg); Nguồn đối ứng từ Ngân sách cho hoạt động xây nhà phòng tránh bão, lụt giai đoạn 2024: 8.000,0 triệu đồng (theo Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, được UBND tỉnh cam kết tại Công văn số 5338/UBND-CNXD ngày 20/10/2022); Nguồn Ngân sách đối ứng cho chi phí quản lý dự án từ năm 2017-7/2024: 2.673,97 triệu đồng.

1.5. Mục tiêu 15.2:

⁴ Công văn số 849/UBND-KTN ngày 21/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh;

⁵ Tại các xã Đức Phong, Đức Thắng huyện Mộ Đức; Tịnh An, Tịnh Khê, Tịnh Kỳ TP Quảng Ngãi; Phường Phổ Quang, Phường Phổ Thạnh, Phường Phổ Vinh, Xã Phổ An, Xã Phổ Châu, Xã Phổ Khánh Thị xã Đức Phổ; các xã Bình Châu, Bình Đông, Bình Hải, Bình Tân Phú, Bình Thạnh, Bình Thuận, Bình Trị huyện Bình Sơn.

- Về "Thực hiện Quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2025"

Để khắc phục những tồn tại trong quy hoạch 03 loại rừng trước đó⁶ tỉnh đã xây dựng và thực hiện Dự án Rà soát chuyển đổi đất rừng phòng hộ ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng (*Đề cương nhiệm vụ phê duyệt tại Quyết định 988/QĐ-UBND ngày 29/5/2017 của UBND tỉnh*). Hiện, kết quả của dự án được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 để tổ chức thực hiện. Đồng thời, thực hiện nghiêm chủ trương không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên hiện có sang mục đích khác (*trừ các dự án phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc các dự án phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội cần thiết do Thủ tướng quyết định*). Tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công văn số 573/SNNPTNT ngày 08/3/2021 hướng dẫn trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, đảm bảo đúng quy định. Đối với các công trình, dự án đã có quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan giám sát chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện. Đến nay, tổng diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch là 138,3 ha.

- Về "Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Tỉnh ủy; số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng"

Kết quả thực hiện được Chi cục Kiểm lâm tham mưu cấp có thẩm quyền trình Tỉnh ủy báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư⁷; UBND tỉnh báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng⁸;

- Về Dự án nâng cao năng lực PCCC rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020:

Trên cơ sở các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1050/QĐ-UBND ngày 17/6/2016, số 933/QĐ-UBND ngày 22/5/2017, số 2449/QĐ-UBND ngày 15/12/2017, số 921/QĐ-UBND ngày 12/6/2018, số 487/QĐ-UBND ngày 08/4/2019, số 1035/QĐ-UBND ngày 15/7/20120 và số 2000/QĐ-UBND ngày 24/12/20210 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; số 1326/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đợt 8; Chi

⁶ Quyết định 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của chủ tịch UBND tỉnh;

⁷ Báo cáo số 319-BC/TU ngày 06/4/2023 của Tỉnh Ủy;

⁸ Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 25/3/2023 của UBND tỉnh;

cục Kiểm lâm đã tổ chức thực hiện mua sắm các trang thiết bị, máy móc, phương tiện tương đối đầy đủ;

- Về công tác giao rừng: Tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuê; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng là 119.727,11 ha. Trong đó: Giao rừng cho tổ chức 102.425,73 ha⁹; Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ*) 17.285,22 ha; cho tổ chức thuê rừng 16,16 ha. Chưa giao rừng (*hiện UBND cấp xã quản lý*) chủ yếu là rừng phục hồi chưa có trữ lượng quy hoạch sản xuất, diện tích manh mún, nhỏ lẻ chưa thu hút được đối tượng nhận rừng: 2.746,97 ha.

- Về tăng cường củng cố lực lượng Kiểm lâm bảo vệ rừng:

Để tinh gọn bộ máy và tăng năng lực hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tỉnh đã sắp xếp lại Chi cục Kiểm lâm¹⁰ trên cơ sở hợp nhất phòng Hành chính tổng hợp với phòng Tổ chức và Xây dựng lực lượng thành phòng Tổ chức - Hành chính và Xây dựng lực lượng; phòng Thanh tra, Pháp chế thành phòng Thanh tra, Pháp chế và Tuyên truyền. Chi cục Kiểm lâm kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo Kiểm lâm các cấp, bố trí Kiểm lâm phụ trách địa bàn phù hợp, đủ trình độ, năng lực để thực thi nhiệm vụ; thường xuyên phối hợp với Chi cục Kiểm lâm vùng IV, Cục Kiểm lâm, Trường Cán bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II, Công an tỉnh, Sở Tư pháp,... đào tạo, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ cho lực lượng Kiểm lâm, nhất là Kiểm lâm địa bàn, đây là lực lượng nòng cốt trong công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng ở cơ sở.

Tuy nhiên, Kiểm lâm tỉnh còn quá mỏng so với diện tích rừng cần quản lý, bảo vệ (*hiện có 333.049,84 ha*). Biên chế hiện có 149 người (*công chức: 83, viên chức: 66*), trung bình 01 biên chế Kiểm lâm phải quản lý trên 2.200 ha rừng, với địa hình chia cắt, phức tạp, hiểm trở nên gặp rất khó khăn. Mặt khác, do đặc thù Kiểm lâm Quảng Ngãi viên chức Kiểm lâm chiếm gần $\frac{1}{2}$ lực lượng, trong quá trình thực thi nhiệm vụ một số quyền của viên chức kiểm lâm bị hạn chế, không được hưởng các chế độ chính sách theo quy định (*như: Phụ cấp công vụ, thâm niên nghề*) trong khi nhiệm vụ và điều kiện làm việc như nhau.

- Về công tác tuyên truyền: Chi cục Kiểm lâm đã tham mưu Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp theo chức năng, nhiệm vụ thông qua nhiều hình thức đã quán triệt, phổ biến và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 13- CT/TW, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 13- CT/TW đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở địa phương, đơn vị; đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức 2.822 hội nghị các cấp, có 106.447 lượt người tham dự; 990 lớp tập huấn, 28.983 lượt người tham gia; 70 bài viết; tuyên truyền trên truyền hình 45 số; xây dựng 24 phóng sự truyền hình; tổ chức 01 buổi

⁹ Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh: 96.158,45 ha; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ba Tơ: 6.047,11 ha; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 185,93 ha; Tổ chức Khoa học công nghệ đào tạo: 34,24 ha.

¹⁰ Quyết định 717/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi;

tọa đàm, có 80 người tham dự; tuyên truyền lưu động 1.263 đợt; in ấn hàng nghìn tờ rơi, áp phích tuyên truyền và thường xuyên phát thanh ở xã, phường, thị trấn.

1.6. Mục tiêu 15.4

- Về xây dựng 02 quy hoạch chi tiết khu bảo tồn: Đã được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, Quy hoạch đa dạng sinh học Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hiện Chủ tịch UBND tỉnh cho chủ trương thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ; đến năm 2030 thành lập Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng (*Cà Đam*), cụ thể:

Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tơ được đề xuất quy hoạch là 17.976,65 ha; trong đó:

+ Phân Khu bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các tiểu khu vùng lõi của khu bảo tồn giáp ranh các tỉnh: Bình Định, Gia Lai và Kon Tum thuộc ranh giới hành chính của 03 xã: Ba Xa, Ba Nam và Ba Lế, với tổng diện tích 9.856,25 ha.

+ Phân khu phục hồi sinh thái nằm trong ranh giới hành chính của 03 xã: Ba Xa, Ba Nam và Ba Lế với tổng diện tích 7.893,87ha.

+ Phân khu hành chính – dịch vụ: Bao gồm các diện tích xây dựng trụ sở làm việc và các công trình dịch vụ xung quanh trụ sở của Ban Quản lý khu dự trữ thiên nhiên và Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, các Trạm Kiểm lâm cửa rừng (*nếu có*), đề xuất ranh giới và diện tích phân khu dịch vụ hành chính nằm trên địa phận hành chính xã Ba Nam, với tổng diện tích 226,54 ha.

+ Vùng đệm: Phạm vi ranh giới vùng đệm (*không nằm trong ranh giới khu dự trữ thiên nhiên*) có chức năng như một vành đai bảo vệ, là hàng rào chắn phòng hộ cho khu dự trữ thiên nhiên. Vùng đệm được đề xuất bảo vệ rừng và môi trường với sự tham gia của người dân và phải có chương trình hỗ trợ người dân nâng cao sinh kế, văn hóa – xã hội. Phạm vi ranh giới thuộc 03 xã: Ba Xa, Ba Nam, Ba Lế. Tổng diện tích vùng đệm 8.389,39 ha.

Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng (Cà Đam) đề xuất quy hoạch là 2.325,30 ha; trong đó:

+ Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các lô, khoảnh thuộc 05 tiểu khu: 83,84A,85,93,94; diện tích đề xuất 828,33 ha.

+ Phân khu Phục hồi sinh thái: Đề xuất diện tích và ranh giới phân khu phục hồi sinh thái bao gồm các lô, khoảnh thuộc 07 tiểu khu: 83,84A,85,93,94,95,100, diện tích đề xuất 1.504,53 ha.

+ Phân khu Dịch vụ hành chính: Đề xuất ranh giới và diện tích phân khu dịch vụ hành chính nằm trên địa phận hành chính xã Trà Bùi, diện tích đề xuất 0,11 ha.

+ Vùng đệm: Phạm vi ranh giới vùng đệm (*không nằm trong ranh giới khu bảo tồn*) có chức năng như một vành đai bảo vệ, là hàng rào chắn phòng hộ cho khu bảo tồn. Vùng đệm được đề xuất bảo vệ rừng và môi trường với sự tham gia của người dân và phải có chương trình hỗ trợ người dân nâng cao sinh kế, văn hóa - xã hội. Phạm vi ranh giới thuộc 02 xã: Trà Bùi, Trà Tân. Tổng diện tích vùng đệm 3.966.06 ha.

- Về đẩy mạnh hoạt động quản lý bảo vệ rừng:

Chi cục Kiểm lâm thường xuyên tham mưu kiện toàn, củng cố tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp. Phân cấp cụ thể trách nhiệm quản lý Nhà nước cho chính quyền cơ sở, quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu chính quyền, cơ quan, tổ chức về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Công tác giao rừng gắn với giao đất được đẩy mạnh để toàn bộ diện tích rừng tự nhiên có chủ quản lý thực sự. Tổ chức quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ. Thường xuyên tuần tra, truy quét bảo vệ rừng nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp. Các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp đều được các cơ quan xử lý hoặc tham mưu xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật; Tổng số vụ vi phạm Luật lâm nghiệp giai đoạn 2017-2023 trên địa bàn tỉnh 1.597 vụ, trong đó: xử lý hành chính 1.424 vụ; khởi tố hình sự 38 vụ 42 bị can¹¹, đã xét xử 36 vụ 42 bị cáo¹²; lâm sản tịch thu 1.517,95 m³ gỗ các loại; số tiền thu nộp ngân sách: 12.687.447.614 đồng. Ứng dụng công nghệ hiện đại hoá nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh...

- Công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chủ yếu thu từ sản xuất thủy điện, nước sạch và nước công nghiệp; tổng số tiền thu được giai đoạn 2017-2022 là 68,71 tỷ đồng.

2. Bài học kinh nghiệm

2.1. Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chính quyền các cấp từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng sẽ đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cần được thể chế hóa kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lâm nghiệp, tạo khung pháp lý để các cấp, các ngành tổ chức triển khai thực hiện;

2.2. Rừng và đất rừng là tư liệu sản xuất cốt lõi của ngành lâm nghiệp, vì vậy công tác giao đất gắn với giao rừng đối với diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng cần được coi trọng và tiếp tục rà soát, bảo đảm thống nhất ranh giới trên bản đồ và trên thực địa; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; bảo đảm rừng có chủ thực sự và xác định rõ quyền và lợi ích lâu dài của người sử dụng đất và các chủ rừng; phát huy tiềm năng, lợi thế của rừng để xây dựng các chính sách tạo nguồn thu cho bảo vệ, phát triển rừng như chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng hơn;

2.3. Đổi mới tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng: Phát triển lâm nghiệp theo chuỗi giá trị; khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa chủ rừng với doanh nghiệp chế biến và thương mại lâm sản. Đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng các kỹ thuật, công nghệ hiện đại tiên bộ trong sản xuất và chế biến lâm sản, góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp;

2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội của các

¹¹ Sơn Tây 15 vụ 15 bị can, Sơn Hà 12 vụ 16 bị can, Ba Tơ 10 vụ 10 bị can, Nghĩa Hành 01 vụ 01 bị can.

¹² Sơn Tây 13 vụ 14 bị cáo, Sơn Hà 11 vụ 16 bị cáo, Ba Tơ 10 vụ 10 bị cáo, Nghĩa Hành 01 vụ 01 bị cáo.

bên liên quan đối với công tác bảo vệ rừng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thay đổi tập quán sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ động, thực vật hoang dã; bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng và các giá trị dịch vụ môi trường rừng đối với sự phát triển bền vững, góp phần bảo đảm an ninh quốc phòng và an ninh môi trường của đất nước;

2.5. Đầu tư ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát tài nguyên rừng.

3. Các tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc:

- Rừng phân bố trên phạm vi rộng, tập trung nhiều ở các vùng có điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội khó khăn, đất dành cho lâm nghiệp thường là đất xấu, địa hình chia cắt phức tạp, cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Lực lượng Kiểm lâm tương đối mỏng so với diện tích rừng quản lý (trung bình 01 biên chế Kiểm lâm quản lý hơn 2.000 ha), một số Kiểm lâm địa bàn là người dân tộc thiểu số, trình độ không đồng đều, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Nhận thức của các cấp, các ngành về công tác bảo vệ, phát triển rừng tuy có chuyển biến nhưng chưa đầy đủ và toàn diện; chưa đánh giá đúng giá trị của rừng đem lại cho xã hội, chưa thấy hết mối quan hệ sâu sắc qua lại giữa lâm nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi địa phương và những yêu cầu mới đặt ra đối với ngành lâm nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu. Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về lâm nghiệp tuy nhiều, có nơi còn mang tính hình thức hiệu quả chưa cao.

- Việc lãnh đạo của các cấp ủy đảng và quản lý, điều hành của chính quyền địa phương chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả chưa cao; áp dụng pháp luật trong thực hiện các dự án về phát triển lâm nghiệp chưa đầy đủ nên có việc còn lúng túng, còn sai sót. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và người đứng đầu chưa làm hết trách nhiệm, thiếu kiên quyết, thậm chí còn né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, ngại va chạm, ngại đổi mới.

- Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhiều nhưng một số đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện vẫn chưa được thường xuyên. Một số chủ trương, chính sách đã ban hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tính khả thi chưa cao, chưa có tính đột phá; chưa sát với khả năng cân đối nguồn lực.

- Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện và tháo gỡ các vướng mắc có lúc, có việc còn thiếu đồng bộ, kịp thời. Việc điều tra, xử lý các hành vi vi phạm phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo không có điều kiện để chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, do đó chưa phát huy được tính giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư triển khai các chương trình, dự án bảo vệ, phát triển rừng và phát triển sản xuất lâm nghiệp còn rất thấp so với nhu cầu. Cơ sở vật chất cho công tác bảo vệ rừng, PCCCR, hoạt động theo dõi diễn biến rừng chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT:

- Sớm trình phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ về lâm nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi đạt chứng nhận tín chỉ cacbon theo tiêu chuẩn quốc tế để có thể bán ra thị trường thế giới. Chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với hấp thụ Cacbon. Phát triển kinh tế lâm nghiệp dưới tán rừng;

- Hỗ trợ thành lập khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tư và khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng cũng như việc xác lập cơ sở pháp lý đối với cơ cấu 03 loại rừng trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia;

- Kiến nghị cấp có thẩm quyền tăng cường biên chế Kiểm lâm cho tỉnh, đồng thời có cơ chế chuyển toàn bộ viên chức sang công chức kiểm lâm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, BVR_{PTK}.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Duy Hưng